

Số: 01 /PA-UBND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2024

PHƯƠNG ÁN
TỔNG THỂ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ báo cáo Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, như sau:

Phần I
HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Thành phố Cần Thơ

a) Diện tích tự nhiên¹: 1440,40 (km²);

¹ Theo nguồn kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 2696/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 (hướng dẫn tại Công văn số 6043/BNMT-CDKDLTTĐĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Quy mô dân số²: 1.452.993 (người). Trong đó: dân số thực tế thường trú có 1.368.474 người, dân số tạm trú quy đổi có 84.519 người.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

a) Số lượng ĐVHC cấp huyện: có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận và 04 huyện;

b) Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: không;

c) Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: không;

d) Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: không;

đ) Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: không.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

a) Số lượng ĐVHC cấp xã: có 83 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 42 phường, 05 thị trấn;

b) Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp:

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến 31 tháng 12 năm 2022, thành phố Cần Thơ có 04 phường.

c) Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: không;

d) Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: không;

đ) Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: không.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

Toàn thành phố Cần Thơ có 04 phường: An Cư, An Nghiệp, An Phú, Thới Bình của quận Ninh Kiều thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

a) Phường An Cư:

- Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không;

- Diện tích tự nhiên: 0,61 km²;

- Quy mô dân số: 23.313 người;

- Số dân là người dân tộc thiểu số: (1.152 người, chiếm tỷ lệ 5,10%);

² Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 1848/CATP-QLHC ngày 22 tháng 8 năm 2023.

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: không;
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Thới Bình, phường Tân An, phường An Phú, phường An Nghiệp.

b) Phường An Nghiệp:

- Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không;
- Diện tích tự nhiên 0,35 km²;
- Quy mô dân số: 7.635 người;
- Số dân là người dân tộc thiểu số: (583 người, chiếm tỷ lệ 7,97%);
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: không;
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường An Hòa, phường Thới Bình, phường An Cư, phường An Phú, phường Xuân Khánh.

c) Phường An Phú:

- Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không;
- Diện tích tự nhiên 0,50 km²;
- Quy mô dân số: 10.851 người;
- Số dân là người dân tộc thiểu số: (275 người, chiếm tỷ lệ 2,74%);
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: không;
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường An Nghiệp, phường An Cư, phường Tân An, phường Xuân Khánh.

d) Phường Thới Bình:

- Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không;
- Diện tích tự nhiên: 0,53 km²;
- Quy mô dân số: 14.565 người;
- Số dân là người dân tộc thiểu số: (542 người, chiếm tỷ lệ 3,89%);
- Các chính sách đặc thù đang hưởng: không;
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Cái Khế, phường Tân An, phường An Cư, phường An Nghiệp, phường An Hòa.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: không.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: không.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liên kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: không có.

(Chi tiết nêu tại Phụ lục 1-1A, 1-1B, 1-1C, 1-2A, 1-2B, 1-2C kèm theo)

Phần II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp (sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp)

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Phú (có diện tích tự nhiên là 0,50 km², đạt 9,02 % so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.851 người, đạt 72,34 % so với tiêu chuẩn); toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Nghiệp (có diện tích tự nhiên là 0,35 km², đạt 6,38 % so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.635 người, đạt 50,90 % so với tiêu chuẩn) và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Cư (có diện tích tự nhiên là 0,61 km², đạt 11,05 % so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 23.313 người, đạt 155,42 % so với tiêu chuẩn) vào phường Thới Bình (có diện tích tự nhiên là 0,53 km², đạt 9,67 % so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.565 người, đạt 97,10 % so với tiêu chuẩn). Thành lập phường Thới Bình mới trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường An Phú, phường An Nghiệp, phường An Cư và phường Thới Bình.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

- Việc nhập 04 phường: An Phú, An Nghiệp, An Cư và Thới Bình của quận Ninh Kiều là các phường có vị trí địa lý liền kề với nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

- Việc nhập 04 phường: An Phú, An Nghiệp, An Cư và Thới Bình của quận Ninh Kiều là cần thiết, góp phần tăng quy mô ĐVHC, tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Việc sắp xếp các phường nhằm phù hợp với

Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau sắp xếp địa giới ĐVHC:

- Phường Thới Bình sau khi sắp xếp có diện tích tự nhiên: 1,99 km² (đạt 36,11 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số: 56.364 người (đạt 375,76 % so với tiêu chuẩn);

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: An Hòa, Cái Khế, Tân An, Xuân Khánh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: dự kiến tại UBND phường Thới Bình, quận Ninh Kiều.

2. Phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: không.

II. LÝ DO ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP (không)

III. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Phường Thới Bình trên cơ sở nhập 04 phường: An Phú, An Nghiệp, An Cư, Thới Bình. Sau khi thành lập có 1,99 km² diện tích tự nhiên (đạt tỷ lệ 36,11%) và quy mô dân số 56.364 người (đạt tỷ lệ 375,76%). Theo đó, phường Thới Bình thành lập sau sắp xếp đã đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 quy định: *“Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì ĐVHC hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, trừ trường hợp nhập từ 03 ĐVHC cùng cấp trở lên”*.

IV. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: có 09 đơn vị, gồm: 05 quận, 04 huyện;

b) ĐVHC cấp xã: có 83 đơn vị (gồm: 36 xã, 42 phường và 05 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: có 09 đơn vị, gồm: 05 quận, 04 huyện;

b) ĐVHC cấp xã 80 đơn vị, gồm: 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện giảm: không;

b) ĐVHC cấp xã giảm: 03 đơn vị (gồm: 03 phường).

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

a) Năm 2023:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc sắp xếp ĐVHC trên phương tiện truyền thông, Cổng thông tin điện tử của thành phố Cần Thơ nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân để tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành tổ chức rà soát, xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến để trình Bộ Nội vụ thẩm định theo quy định.

b) Năm 2024:

- Căn cứ Phương án tổng thể đã được hoàn thiện (sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ) tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn để xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ theo quy định;

- Thông qua Hội đồng nhân dân thành phố, quận Ninh Kiều và các phường có liên quan về Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố;

- Hoàn chỉnh hồ sơ Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố, báo cáo Bộ Nội vụ thẩm định để báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

- Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế (trong đó có đối tượng dôi dư do sắp xếp ĐVHC);

- Lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị nhân sự để tiến hành Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại những ĐVHC cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp;

- Tiến hành sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư sau Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại những ĐVHC cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp;

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025;

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh

nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

c) Năm 2025:

- Tổ chức kiện toàn tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại những ĐVHC cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp;

- Tiến hành sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư sau khi kiện toàn tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại những ĐVHC cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp;

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025;

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025;

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; phân loại ĐVHC đối với ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp;

- Sơ kết việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Thực hiện Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, sau khi Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố được phê duyệt, địa phương sẽ xây dựng Đề án và xây dựng nội dung kinh phí theo quy định.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Việc thực hiện Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ là cần thiết, cơ bản đáp ứng theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và nhằm để điều chỉnh lại diện tích tự nhiên, dân số cho phù hợp với Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

2. Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Trung ương, thành phố và cấp huyện. Khi sắp xếp sẽ giảm được 03 ĐVHC cấp xã, đồng thời giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, tạo điều kiện giảm chi ngân sách nhà nước, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho ĐVHC cấp xã mới thành lập.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến đề Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tổ chức lập hồ sơ Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

(Phương án này thay thế Phương án số 01/PA-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Nơi nhận:

- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Ban Tổ chức TU;
- Sở Nội vụ;
- UBND quận Ninh Kiều;
- VP UBND TP (2,3,4,5,6,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, LhT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Trường



THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG DVHC CẤP HUYỆN

Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp DVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ

Phụ lục 1-1A

Số TT	Tên DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số DVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các huyện:										
1	Huyện Cờ Đỏ			9,047	6.46		319.91	71.09	154,940	129.12	10
2	Huyện Phong Điền			778	0.62		125.59	27.91	132,483	110.40	7
3	Huyện Thới Lai			4,783	3.15		267.00	59.33	152,899	127.42	13
4	Huyện Vĩnh Thạnh			1,457	1.10		306.74	68.17	134,182	111.82	11
II	Các quận:										
1	Quận Bình Thủy			1,697	1.29		70.87	202.48	138,847	92.56	8
2	Quận Cái Răng			1,834	1.68		67.82	193.76	131,894	87.93	7
3	Quận Ninh Kiều			10,233	4.20		28.90	82.56	264,996	176.66	11
4	Quận Ô Môn			7,096	4.65		131.91	376.89	153,045	102.03	7
5	Quận Thốt Nốt			1,103	0.61		121.67	347.62	189,707	126.47	9

THÀNH PHỐ CẦN THƠ



THÔNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC ĐIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ)

Phụ lục 1-1B

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Giai đoạn 2023 - 2025, thành phố Cần Thơ không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ



THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC ĐIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ)

Phụ lục 1-1C

Số TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Giai đoạn 2023 - 2025, thành phố Cần Thơ không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ



THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG DVHC CẤP XÃ

Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp DVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ

Phụ lục 1 - 2A

Số TT	Tên DVHC cấp xã	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các xã:										
1	Xã Đông Hiệp	Huyện Cờ Đỏ			309	3.87		16.35	54.50	8,494	106.18
2	Xã Đông Thảng	Huyện Cờ Đỏ			855	15.02		16.26	54.19	6,254	78.18
3	Xã Thạnh Phú	Huyện Cờ Đỏ			515	2.50		99.07	330.25	23,513	293.91
4	Xã Thới Đông	Huyện Cờ Đỏ			1,104	15.37		19.54	65.14	7,515	93.94
5	Xã Thới Hưng	Huyện Cờ Đỏ			615	3.54		69.92	233.07	18,790	234.88
6	Xã Thới Xuân	Huyện Cờ Đỏ			2,682	30.48		16.75	55.84	9,671	120.89
7	Xã Trung An	Huyện Cờ Đỏ			103	0.88		12.63	42.12	12,952	161.90
8	Xã Trung Hưng	Huyện Cờ Đỏ			0	0.00		35.84	119.47	27,441	343.01
9	Xã Trung Thành	Huyện Cờ Đỏ			130	0.64		25.23	84.08	22,658	283.23
10	Xã Giai Xuân	Huyện Phong Điền			155	0.82		19.63	65.43	19,107	238.84
11	Xã Mỹ Khánh	Huyện Phong Điền			108	0.81		10.83	36.10	16,973	212.16
12	Xã Nhon Ái	Huyện Phong Điền			83	0.49		16.28	54.27	17,510	218.88

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Xã Nhơn Nghĩa	Huyện Phong Điền			103	0.48		21.88	72.92	23,533	294.16
14	Xã Tân Thới	Huyện Phong Điền			161	0.94		17.82	59.41	17,305	216.31
15	Xã Trường Long	Huyện Phong Điền			96	0.41		31.01	103.38	23,707	296.34
16	Xã Định Môn	Huyện Thới Lai			1,429	10.57		22.27	74.24	13,551	169.39
17	Xã Đông Bình	Huyện Thới Lai			159	1.42		29.60	98.67	11,291	141.14
18	Xã Đông Thuận	Huyện Thới Lai			215	1.72		31.29	104.29	12,570	157.13
19	Xã Tân Thạnh	Huyện Thới Lai			188	2.15		17.35	57.82	8,962	112.03
20	Xã Thới Tân	Huyện Thới Lai			322	3.84		18.13	60.44	8,419	105.24
21	Xã Thới Thạnh	Huyện Thới Lai			409	3.01		14.67	48.90	13,638	170.48
22	Xã Trường Thành	Huyện Thới Lai			118	0.83		19.47	64.90	14,291	178.64
23	Xã Trường Thắng	Huyện Thới Lai			137	0.98		22.96	76.54	14,033	175.41
24	Xã Trường Xuân	Huyện Thới Lai			77	0.45		28.99	96.65	17,348	216.85
25	Xã Trường Xuân A	Huyện Thới Lai			69	0.78		18.68	62.26	8,843	110.54
26	Xã Trường Xuân B	Huyện Thới Lai			160	1.81		20.27	67.56	8,887	111.09
27	Xã Xuân Thắng	Huyện Thới Lai			139	1.69		13.64	45.46	8,241	103.01
28	Xã Thạnh An	Huyện Vĩnh Thạnh			119	1.26		45.33	151.09	9,464	118.30
29	Xã Thạnh Lộc	Huyện Vĩnh Thạnh			116	0.67		36.27	120.91	17,225	215.31
30	Xã Thạnh Lợi	Huyện Vĩnh Thạnh			0	0.00		43.82	146.07	10,116	126.45
31	Xã Thạnh Mỹ	Huyện Vĩnh Thạnh			43	0.42		23.13	77.10	10,179	127.24

Số TT	Tên DVHC cấp xã	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
32	Xã Thanh Quới	Huyện Vĩnh Thạnh			151	0.88		35.56	118.52	17,225	215.31
33	Xã Thạnh Thắng	Huyện Vĩnh Thạnh			9	0.14		23.50	78.33	6,675	83.44
34	Xã Thạnh Tiến	Huyện Vĩnh Thạnh			32	0.29		22.97	76.57	11,104	138.80
35	Xã Vĩnh Bình	Huyện Vĩnh Thạnh			823	10.23		21.78	72.62	8,392	104.90
36	Xã Vĩnh Trinh	Huyện Vĩnh Thạnh			26	0.11		29.23	97.44	23,276	290.95
II Các thị trấn:											
1	Thị trấn Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ			2,734	17.90		8.30	59.32	17,652	220.65
2	Thị trấn Phong Điền	Huyện Phong Điền			72	0.55		8.13	58.09	14,348	179.35
3	Thị trấn Thới Lai	Huyện Thới Lai			1,361	10.77		9.69	69.19	12,825	160.31
4	Thị trấn Thạnh An	Huyện Vĩnh Thạnh			107	0.79		18.65	133.18	13,676	170.95
5	Thị trấn Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh			31	0.46		6.50	46.46	6,850	85.63
III Các phường:											
1	Phường An Thới	Quận Bình Thủy			253	1.22		3.82	69.38	21,038	140.25
2	Phường Bình Thủy	Quận Bình Thủy			475	2.23		6.02	109.51	21,707	144.71
3	Phường Bùi Hữu Nghĩa	Quận Bình Thủy			416	3.43		7.16	130.25	12,743	84.95
4	Phường Long Hòa	Quận Bình Thủy			73	0.34		14.30	259.91	22,259	148.39
5	Phường Long Tuyền	Quận Bình Thủy			124	0.57		14.53	264.23	22,295	148.63
6	Phường Thới An Đông	Quận Bình Thủy			42	0.32		12.10	219.91	13,541	90.27
7	Phường Trà An	Quận Bình Thủy			39	0.51		6.48	117.89	11,559	77.06

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Phường Trà Nóc	Quận Bình Thủy			275	2.12		6.46	117.46	13,705	91.37
9	Phường Ba Láng	Quận Cái Răng			184	2.57		4.66	84.65	8,071	53.81
10	Phường Hưng Phú	Quận Cái Răng			276	1.36		8.70	158.25	27,080	180.53
11	Phường Hưng Thạnh	Quận Cái Răng			105	0.73		9.13	166.02	19,887	132.58
12	Phường Lê Bình	Quận Cái Răng			890	5.13		2.43	44.21	20,914	139.43
13	Phường Phú Thứ	Quận Cái Răng			170	0.72		21.33	387.88	28,786	191.91
14	Phường Tân Phú	Quận Cái Răng			75	0.82		10.90	198.19	9,498	63.32
15	Phường Thường Thạnh	Quận Cái Răng			134	0.77		10.66	193.82	17,658	117.72
16	Phường An Bình	Quận Ninh Kiều			386	1.51		7.21	131.14	27,035	180.23
17	Phường An Cư	Quận Ninh Kiều			1,152	5.10		0.61	11.05	23,313	155.42
18	Phường An Hòa	Quận Ninh Kiều			599	2.25		1.79	32.49	28,007	186.71
19	Phường An Khánh	Quận Ninh Kiều			469	1.41		4.67	84.99	34,172	227.81
20	Phường An Nghiệp	Quận Ninh Kiều			583	7.97		0.35	6.38	7,635	50.90
21	Phường An Phú	Quận Ninh Kiều			275	2.74		0.50	9.02	10,851	72.34
22	Phường Cái Khế	Quận Ninh Kiều			689	2.95		6.42	116.74	24,116	160.77
23	Phường Hưng Lợi	Quận Ninh Kiều			651	2.06		3.39	61.57	32,885	219.23
24	Phường Tân An	Quận Ninh Kiều			3,740	12.38		1.37	24.90	35,564	237.09
25	Phường Thới Bình	Quận Ninh Kiều			542	3.89		0.53	9.67	14,565	97.10
26	Phường Xuân Khánh	Quận Ninh Kiều			1,147	6.05		2.06	37.43	26,853	179.02

Số TT	Tên DVHC cấp xã	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
27	Phường Châu Văn Liêm	Quận Ô Môn			4,501	17.14		8.80	160.07	26,346	175.64
28	Phường Long Hưng	Quận Ô Môn			58	0.35		18.12	329.51	16,432	109.55
29	Phường Phước Thới	Quận Ô Môn			422	1.55		29.11	529.28	27,372	182.48
30	Phường Thới An	Quận Ô Môn			616	2.06		23.78	432.32	29,990	199.93
31	Phường Thới Hòa	Quận Ô Môn			244	2.87		7.44	135.24	8,534	56.89
32	Phường Thới Long	Quận Ô Môn			295	1.23		20.66	375.70	24,098	160.65
33	Phường Trường Lạc	Quận Ô Môn			960	4.74		24.00	436.28	20,273	135.15
34	Phường Tân Hưng	Quận Thốt Nốt			46	0.40		15.32	278.60	11,811	78.74
35	Phường Tân Lộc	Quận Thốt Nốt			57	0.16		33.40	607.30	35,451	236.34
36	Phường Thanh Hòa	Quận Thốt Nốt			20	0.17		7.46	135.57	12,226	81.51
37	Phường Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt			609	2.35		5.65	102.66	25,899	172.66
38	Phường Thới Thuận	Quận Thốt Nốt			161	0.87		10.83	196.88	24,211	161.41
39	Phường Thuận An	Quận Thốt Nốt			39	0.26		8.07	146.68	15,201	101.34
40	Phường Thuận Hưng	Quận Thốt Nốt			84	0.39		15.05	273.61	22,560	150.40
41	Phường Trung Kiên	Quận Thốt Nốt			43	0.15		15.14	275.33	29,601	197.34
42	Phường Trung Nhứt	Quận Thốt Nốt			44	0.35		10.75	195.50	12,747	84.98

Ghi chú

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu nguồn kết quả kiểm kê đất đai năm 2019

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 2696/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

- Cột 10: Quy mô dân số được xác định theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31/12/2022 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 1848/CATP-QLHC ngày 22 tháng 8 năm 2023.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ



THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ DVHC CẤP XÃ THUỘC ĐIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp DVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên DVHC cấp xã	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phường An Cư	Quận Ninh Kiều			1,152	5.10		0.61	11.05	23,313	155.42
2	Phường An Nghiệp	Quận Ninh Kiều			583	7.97		0.35	6.38	7,635	50.90
3	Phường An Phú	Quận Ninh Kiều			275	2.74		0.50	9.02	10,851	72.34
4	Phường Thới Bình	Quận Ninh Kiều			542	3.89		0.53	9.67	14,565	97.10

Ghi chú

- Cột 8: Diện tích tự nhiên được xác định theo số liệu nguồn kết quả kiểm kê đất đai năm 2019
- do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 2696/STNMT-CCQLDD ngày 15 tháng 8 năm 2023.
- Cột 10: Quy mô dân số được xác định theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31/12/2022 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 1848/CATP-QLHC ngày 22 tháng 8 năm 2023.

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ



THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ DVHC CẤP XÃ THUỘC ĐIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về tổng thể sắp xếp DVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên DVHC cấp xã	Thuộc DVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Giai đoạn 2023 - 2025, thành phố Cần Thơ không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ